

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG      CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TỈNH BẮC GIANG      Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**Bản án số: 38/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 15 tháng 6 năm 2022

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Ngô Thị Thanh Hảo

**Các Hội thẩm nhân dân:** 1. Bà Nguyễn Thị Tin

## 2. Ông Đào Xuân Thịnh

**Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thủy

**Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng:** Bà Vũ Thị Lành -  
Kiểm sát viên

Trong ngày 15 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình đã thụ lý số 61/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 03 năm 2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2022/QĐXX-ST ngày 02 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn*: Chị Chu Thị Nh, sinh năm 1987, nơi ĐKKHTT: Thôn Đ, xã T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Chỗ ở hiện nay: Đường N5/5B Khu phố B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương. (có đơn xin vắng mặt)

\* *Bị đơn*: Anh Đặng Ngọc H, sinh năm 1980, địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. (có đơn xin vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN

**\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/3/2022, tại biên bản lấy lời khai và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Chu Thị Nhtrình bày:** Chị và anh Đặng Ngọc H lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới xin theo phong tục tập quán, trước khi cưới hai vợ chồng được tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn

tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Yên Dũng ngày 26/7/2011. Kết hôn xong chị về nhà anh Hsống và làm dâu, hai vợ chồng sinh sống cùng bố mẹ anh H ở tại thôn Đ, xã T, huyện Yên Dũng. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc từ khi kết hôn đến tháng 8/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong làm ăn kinh tế nên thường xuyên cãi nhau, không thể hòa hợp được. Khi vợ chồng mâu thuẫn, chị bỏ quê vào tỉnh Bình Dương làm công ty, vợ chồng sống ly thân năm 2019 đến nay, cuộc sống của ai người đó tự lo. Chị chỉ gọi điện về để hỏi thăm con cái, còn giữa chị và anh H không còn quan tâm gì đến nhau. Vợ chồng chị mâu thuẫn gia đình hai bên có dàn xếp nhưng không có kết quả. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho chị và anh H. Hiện nay chị đang làm việc tại tỉnh Bình Dương.

+ Về con chung: Vợ chồng chị có 03 con chung là cháu Đặng Kim Ng, sinh ngày 20/4/2012; cháu Đặng Ngọc A, sinh ngày 06/02/2015 và cháu Đặng Anh D, sinh ngày 31/12/2017. Hiện nay cả 03 con đang sống cùng anh H. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung là cháu Đặng Kim Ng, chị đề nghị giao con chung là cháu Đặng Ngọc A và cháu Đặng Anh D cho anh H nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Ngọc A và cháu D mỗi tháng là 1.000.000đồng/1 con/ 1 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

+ Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nay ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng không có gì, không đề nghị Tòa án giải quyết.

**\* *Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai bị đơn anh Đặng Ngọc Htrình bày:*** Anh và chị Chu Thị Nh lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới xin theo phong tục tập quán, trước khi cưới hai vợ chồng được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Yên Dũng ngày 26/7/2011. Sau khi kết hôn chị Nh về làm dâu và sinh sống cùng bố mẹ anh tại thôn Đ, xã T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc từ khi kết hôn đến tháng 8/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong làm ăn kinh tế nên thường xuyên cãi nhau, không thể hòa hợp được. Khi vợ chồng mâu thuẫn, chị Nh bỏ quê vào tỉnh Bình Dương làm công ty, vợ chồng sống ly thân năm 2019 đến nay, cuộc sống của ai người đó tự lo. Chị Nh chỉ gọi điện về để hỏi thăm con cái, còn giữa anh và chị Nh không còn quan tâm gì đến nhau. Vợ

chồng tôi mâu thuẫn gia đình hai bên có dàn xếp nhưng không có kết quả. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Nh xin ly hôn anh đồng ý, anh đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho tôi và chị Nh.

+ Về con chung: Vợ chồng anh có 03 con chung là cháu Đặng Kim Ng, sinh ngày 20/4/2012; cháu Đặng Ngọc A, sinh ngày 06/02/2015 và cháu Đặng Anh D, sinh ngày 31/12/2017, hiện nay cả 03 con đang sống cùng anh. Khi ly hôn anh có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung là cháu Đặng Ngọc A và cháu Đặng Anh D, còn cháu Đặng Kim Ng giao cho chị Nh nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Trường hợp Tòa án giao con cho anh và chị Nh cùng có trách nhiệm nuôi dưỡng thì anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp Tòa án giao cả 03 con chung cho anh nuôi dưỡng thì anh yêu cầu chị Nh cấp dưỡng 1.000.000đồng/1 con/1 tháng.

+ Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

**\* Tài liệu, chứng cứ thu thập được:**

+ Tại bản xác minh với bà Nguyễn Thị Ch là mẹ đẻ anh H cung cấp: Chị Nh và anh H lấy nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Yên Dũng. Quá trình chung sống giữa anh H và chị Nh có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do đâu bà không biết. Đến tháng 7/2019 chị Nh vào Bình Dương làm ăn, từ đó đến nay có về nhà chơi hai lần xong lại đi, anh H thì làm nghề sửa xe máy tại Hà Nội, vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Gia đình bà đã động viên anh H, chị Nh đoàn tụ để nuôi dạy con nhưng không có kết quả. Nay chị Nh làm đơn xin ly hôn, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

+ Tại biên bản xác minh với ông Nguyễn Văn Ch, trưởng thôn Đ cung cấp: Anh H và chị Nh có hộ khẩu tại địa phương ông quản lý. Anh H và chị Nh lấy nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Quá trình chung sống giữa anh H và chị Nh phát sinh mâu thuẫn từ khi nào, nguyên nhân do đâu thì ông không nắm được. Từ năm 2019 chị Nh bỏ quê vào tỉnh Bình Dương làm ăn, có về chơi 2-3 lần, còn anh H làm nghề sửa xe ở Hà Nội, vợ chồng sống ly thân nhiều năm nay. Nay chị Nh xin ly hôn anh H, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

- Tòa án tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh H, chị Nh vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

- Tại phiên tòa hôm nay, anh H và chị Nh vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh H, chị Nh.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng phát biểu ý kiến:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Chu Thị Nh và xử cho chị Chu Thị Nh được ly hôn anh Đặng Ngọc H. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Đặng Kim Ng, sinh ngày 20/4/2012 cho chị Chu Thị Nh nuôi dưỡng; giao cháu Đặng Ngọc A, sinh ngày 06/02/2015 và cháu Đặng Anh D, sinh ngày 31/12/2017 cho anh Đặng Ngọc H nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nh cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H là 1.000.000đồng/1 cháu/1 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về án phí: Chị Chu Thị Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí về cấp dưỡng nuôi con.

- Kiến nghị, khắc phục sửa chữa vi phạm: Không có

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Chu Thị Nh và bị đơn anh Đặng Ngọc H đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị Nh, anh H là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Chu Thị Nh và anh Đặng Ngọc H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 26/7/2011 tại UBND xã T, huyện Yên Dũng và được Ủy ban nhân dân xã Tư Mại cấp giấy chứng nhận kết hôn. Hôn nhân giữa chị Nh và anh H là tự nguyện, không vi phạm các điều cấm kết hôn, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình chung sống của vợ chồng thì thấy: Chị Nh và anh H chung sống hòa thuận, hạnh phúc từ khi kết hôn đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn như chị Nh và anh H khai là vợ chồng bất đồng quan

điểm trong cuộc sống, trong làm ăn kinh tế nên thường xuyên cãi nhau, không thể hòa hợp được. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo. Nay cả chị Nh và anh H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Nh xin ly hôn anh H đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Nh và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nh là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị Nh và anh H có 03 con chung là cháu Đặng Kim Ng, sinh ngày 20/4/2012; cháu Đặng Ngọc A, sinh ngày 06/02/2015 và cháu Đặng Anh D, sinh ngày 31/12/2017, hiện nay cả 03 con đang sống cùng anh H. Khi ly hôn chị Nh và anh H thống nhất, chị Nh nuôi con chung là cháu Đặng Kim Ng, anh H nuôi con chung là cháu Đặng Ngọc A và cháu Đặng Anh D. Nguyên vọng của cháu Ng là muốn được ở với mẹ, cháu Ngọc A muốn được ở với bố. Để đảm bảo cuộc sống sinh hoạt của các con được ổn định và theo nguyên vọng của các con, do vậy Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu Ng cho chị Nh nuôi dưỡng, chăm sóc; giao cháu Ngọc A và cháu D cho anh H nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Hà mỗi tháng là 1.000.000đồng/1 cháu/1 tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 6 năm 2022. Do vậy Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận sự tự nguyện của chị Nh là phù hợp với Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con nên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc bên không nuôi con phải có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Nh và anh H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Chu Thị Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

1. Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; các Điều 227, 228, 238; 271; 272 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Chu Thị Nh được ly hôn anh Đặng Ngọc H.

2.2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Đặng Kim Ng, sinh ngày 20/4/2012 cho chị Chu Thị Nh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao con chung là cháu Đặng Ngọc A, sinh ngày 06/02/2015 và cháu Đặng Anh D, sinh ngày 31/12/2017 cho anh Đặng Ngọc H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Chu Thị Nh cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Đặng Ngọc H là 1.000.000đồng/1cháu/1 tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 6 năm 2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

2.4. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2.5. Về án phí: Chị Chu Thị Nh phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng theo biên lai số 0009453

ngày 29 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành dân sự huyện Yên Dũng. Chi Nhâm còn phải thi hành tiếp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

**3.** Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

**4.** Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30- Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND huyện Yên Dũng.
- CCTHADS huyện Yên Dũng ;
- UBND xã T;
- Các đương sự.
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Thị Thanh Hảo**